

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HSST

Ngày: 18/4/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lưu Trọng Kim**.

2. Ông **Hà Văn Thuận**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Tốt** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2019/HSST, ngày 27/3/2019, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Huy H1**, sinh năm: 1991. Nơi đăng ký HKTT: thôn B, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 6/12. Tiền sự: bị UBND xã V áp dụng biện pháp giáo dục theo quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 18/10/2018. Tiền án: không. Cha: Nguyễn

Đình Th, sinh năm 1958 và Mẹ: Trần Thị L, sinh năm 1965. Hiện trú tại thôn B, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Gia đình có 03 chị em, H1 là con út trong gia đình.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Đức Linh – Có mặt

2. Họ và tên: **Phan Văn T**, sinh năm 1997. Nơi đăng ký HKTT: khu phố M, thị trấn ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, tôn giáo: không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Tiền sự: không. Tiền án: không. Cha: Phan Văn H3, sinh năm 1969 và Mẹ: Bùi Thị H4, sinh năm 1970. Hiện trú tại: khu phố M, thị trấn ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Gia đình có 04 anh em, T là con thứ 3 trong gia đình.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/02/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ công an huyện Đức Linh – Có mặt

* Người bị hại: Ông Trần Tr, sinh năm 1955

Trú tại: thôn S, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận – Có mặt

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Văn H2, sinh năm 1991

Trú tại: thôn N, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận – Có mặt

* Người làm chứng: Lê Hữu P, sinh năm 1986 – có đơn xin vắng mặt

Trú tại: khu phố H, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 30/10/2018, Nguyễn Huy H1, sinh năm 1991 và Phan Văn T, sinh năm 1997 cùng rủ nhau đến khu vực rẫy cao su thuộc thôn S, xã N để đào trộm cây mai vàng mà trước đó T đã nhìn thấy. T mang theo 01 cây cuốc, 01 cây rựa, H1 điều khiển xe máy hiệu WIRUCO màu xanh biển số 85R8-XXXX của gia đình chở T đến khu vực rẫy của ông Trần Tr, sau khi chọn được cây mai ưng ý, H1 và T dùng cuốc và rựa mang

theo thay phiên nhau đào cây mai, sau khi đào xong, H1 chở T ngồi phía sau cùng cây mai trộm được đi ra đường thì bị bắt quả tang.

Tại kết luận định giá số 55/KL-HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá huyện Đức Linh: cây mai vàng cao 2,7m, chu vi sát gốc là 28cm, có tán rộng nhất là 2,5m, có giá trị 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Vật chứng vụ án:

+ Một xe mô tô biển số xe 85R8-XXXX của bà Trần Thị L. Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Linh đã trả lại cho chủ sở hữu.

+ Một cây mai vàng cao 2,7m, chu vi sát gốc là 28cm, có tán rộng nhất là 2,5m đã trả lại cho ông Trần Tr.

+ Một cây rựa cán bằng gỗ dài khoảng 30cm, lưỡi rựa bằng kim loại dài khoảng 30cm; một cây cuốc có cán bằng kim loại có chiều dài khoảng 110cm, lưỡi cuốc bằng kim loại dài khoảng 20cm là của Nguyễn Văn H2.

Tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T, thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Cáo trạng số 18/QĐ/KSĐT/VKS-HS ngày 25/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Huy H1 từ 09 đến 12 tháng tù; xử phạt bị cáo Phan Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để có cơ hội sửa chữa làm người công dân lương thiện.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, cụ thể như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 30/10/2018, Phan Văn T rủ Nguyễn Huy H1 đến khu vực rẫy cao su thuộc thôn S, xã N, huyện Đ để trộm cây mai vàng mà trước đó Phan Văn T đã nhìn thấy. Cả hai mang theo 01 cây cuốc, 01 cây rựa lấy tại nhà của Nguyễn Văn H2, rồi H1 điều khiển xe máy hiệu WIRUCO biển số 85R8-XXXX của gia đình mình chở T đến khu vực rẫy có cây mai vàng để đào trộm, sau khi đào xong, H1 chở cây mai và T ngồi phía sau đi ra đường thì bị bắt quả tang.

Tại kết luận định giá số 55/KL-HĐĐG ngày 01/11/2018 của Hội đồng định giá huyện Đức Linh: cây mai vàng cao 2,7m, chu vi sát gốc là 28cm, có tán rộng nhất là 2,5m là của ông Trần Tr, trú tại thôn S, xã N, huyện Đ thời điểm bị mất có giá trị là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh đã truy tố bị cáo Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T, phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] *Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, tính đồng phạm, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là công dân đã trưởng thành, có đủ nhận thức để biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì ham chơi, lười lao động lại muốn có tiền để phục vụ cho nhu cầu cá nhân nên đã thực hiện hành vi trộm cắp. Các bị cáo đã chuẩn bị công cụ và cùng nhau thực hiện

hành vi trộm cắp tài sản vào ban ngày. Điều đó thể hiện các bị cáo có thái độ rất liều lĩnh, táo bạo và xem thường pháp luật của nhà nước. Nghĩ cần xét xử với mức án nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục các bị cáo để trở thành công dân lương thiện.

Tính đồng phạm: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người đề xuất, bị cáo H1 là người dùng phương tiện của mình để chở T đi, cả hai chuẩn bị công cụ và cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp, thể hiện vai trò của hai bị cáo trong vụ án là ngang nhau nên chịu hình phạt tương xứng nhau là phù hợp.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tương ứng quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[4] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

+ Một xe mô tô biển số xe 85R8-XXXX của bà Trần Thị L, bà L không có lỗi trong việc H1 dùng xe này đi trộm và cơ quan điều tra Công an huyện Đức Linh đã trả lại cho chủ sở hữu, bà L không yêu cầu gì khác nên không xem xét.

+ Một cây mai vàng cao 2,7m, chu vi sát gốc là 28cm, có tán rộng nhất là 2,5m đã trả lại cho ông Trần Tr, tuy nhiên tại phiên tòa ông Tr khai cây mai do các bị cáo đào không còn rễ, bị trầy xước nên khi trồng đã bị chết, ông Tr yêu cầu các bị cáo phải bồi

thường theo như giá trị định giá. Thiệt hại của ông Trần Tr là do các bị cáo H1, T gây ra nên cần buộc các bị cáo bồi thường theo kết quả định giá là đúng pháp luật.

+ Một cây rựa cán bằng gỗ dài khoảng 30cm, lưỡi rựa bằng kim loại dài khoảng 30cm; một cây cuốc có cán bằng kim loại có chiều dài khoảng 110cm, lưỡi cuốc bằng kim loại dài khoảng 20cm là của Nguyễn Văn H2, H2 không có lỗi trong việc các bị cáo dùng những vật dụng này làm công cụ phạm tội nên cần trả lại cho Nguyễn Văn H2 .

[5] *Về án phí*: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T, phạm tội: Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Nguyễn Huy H1 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 14/01/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Phan Văn T 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/02/2019.

2. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 357, Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc Nguyễn Huy H1, Phan Văn T bồi thường cho ông Trần Tr số tiền 5000.000 đồng, cụ thể Nguyễn Huy H1 bồi thường cho ông Trần Tr 2.500.000 đồng, Phan Văn T bồi thường cho ông Trần Tr 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày người bị hại Trần Tr có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng Nguyễn Huy H1, Phan Văn T còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của pháp luật, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, trả lại cho Nguyễn Văn H2: Một cây rựa cán bằng gỗ dài khoảng 30cm, lưỡi rựa

bằng kim loại dài khoảng 30cm; một cây cuốc có cán bằng kim loại có chiều dài khoảng 110cm, lưỡi cuốc bằng kim loại dài khoảng 20cm.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử buộc Nguyễn Huy H1 và Phan Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 333 BLTTHS; báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án (18/4/2019), để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND,VKSND tỉnh
- Nhà tạm giữ CA huyện
- Bộ phận Hồ sơ CSNV CA huyện
- VKSND huyện
- Người tham gia tố tụng
- Lưu.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Minh Tuấn